

SỞ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG THPT ĐỖ ĐĂNG TUYỀN

PHÊ DUYỆT

Ngày tháng năm 2025

HIỆU TRƯỞNG

KẾ HOẠCH BÀI DẠY

Môn: Giáo dục Quốc phòng – An ninh – Lớp 10

**Bài 7: Thường thức phòng tránh một số loại bom, mìn, đạn,
vũ khí hóa học, vũ khí sinh học, vũ khí công nghệ cao,
thiên tai dịch bệnh và cháy nổ.**

Nguồn sách: Kết nối tri thức với cuộc sống (NXB-GDVN)

Năm học: 2025 – 2026

Tổ trưởng chuyên môn

Người thực hiện

Nguyễn Duy Thân

Nguyễn Bá Linh

Phú Thuận, tháng 01 năm 2026

Bài 7: Thường thức phòng tránh một số loại bom, mìn, đạn, vũ khí hóa học, vũ khí sinh học, vũ khí công nghệ cao, thiên tai dịch bệnh và cháy nổ.

Thời gian thực hiện: 2 tiết lý thuyết + 1 tiết thực hành (1 tiết/tuần – Tiết PPCT 19, 20 & 21)

KẾ HOẠCH SỐ 19

A. MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Về kiến thức

- HS hiểu và phân tích được tác hại của bom, mìn, đạn, vũ khí hóa học và vũ khí công nghệ cao.
- HS biết một số cách phòng, tránh bom, mìn, đạn, vũ khí hóa học và vũ khí công nghệ cao.

2. Về năng lực: HS biết tự chủ về học tập, biết phối hợp với nhóm để giải quyết vấn đề.

3. Về phẩm chất: Thông qua bài học, HS biết một số cách phòng, tránh bom, mìn, đạn, vũ khí hóa học và vũ khí công nghệ cao.

B. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Đối với giáo viên: Giáo án, các tư liệu liên quan bài học.

2. Đối với học sinh: Sách, vở, viết

C. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động dạy & học		Dự kiến sản phẩm
Giáo viên	Học sinh	
Hoạt động 1: Khởi động		
1. Mục tiêu: HS hiểu và nhận biết về một số loại bom, đạn... 2. Nội dung: Xem hình (7.1 – SGK trang 36), em hãy kể tên một số loại bom, đạn mà Quân đội Mỹ sử dụng trong chiến tranh Việt Nam?		
- GV biên chế lớp thành 4 nhóm/tổ để tập luyện, sinh hoạt, thảo luận, phát biểu - GV nhận xét, điều chỉnh chỗ sai cho các nhóm/tổ.	- Các nhóm trưởng chỉ huy nhóm/tổ sinh hoạt theo từng chủ đề - Sau khi thảo luận, cử đại diện phát biểu.	 Câu 1: Nội dung hình 7.1:
Hoạt động 2: Khám phá		
1. Mục tiêu: HS phân tích được tác hại của bom, mìn, đạn, vũ khí hóa học và vũ khí công nghệ cao; biết một số cách phòng, tránh bom, mìn, đạn, vũ khí hóa học và vũ khí công nghệ cao. 2. Nội dung: Tác hại của bom, mìn, đạn, vũ khí hóa học và vũ khí công nghệ cao. - Một số biện pháp phòng, tránh bom, mìn, đạn, vũ khí hóa học và vũ khí công nghệ cao.		
- GV: Hãy cho biết tác hại của bom, mìn, đạn, vũ khí hóa học và vũ khí công nghệ cao?	- Đối với câu hỏi này, yêu cầu HS tập trung thảo luận tác hại của từng loại vũ khí: + HS tìm hiểu, thảo luận tác hại của bom? + HS tìm hiểu, thảo luận tác hại của mìn? + HS tìm hiểu, thảo luận	I. Phòng, tránh bom, mìn, đạn, vũ khí hóa học và vũ khí công nghệ cao. 1. Tác hại. - Bom: Là loại vũ khí dùng uy lực của thuốc nổ, chất cháy, chất độc hóa học, vi trùng, hạt nhân, mảnh của vỏ bom, nhằm sát thương người, phá hoại làng mạc; phá hủy phương tiện, binh khí kỹ thuật; phá hoại các công trình của đối phương. - Mìn: Là vũ khí dùng uy lực của thuốc nổ, mảnh vỡ của vỏ mìn, chất cháy, chất độc hoá học và được bố trí sẵn nhằm phá hoại, sát thương đối tượng hoặc gây cản trở trong phạm vi tác dụng như: nhiễm độc, nhiễm xạ, hạn chế tầm nhìn... - Đạn: Vật thể mang phần tử sát thương hoặc công

D. RÚT KINH NGHIỆM.

1. Kết quả đạt được:

2. Hạn chế, tồn tại:

* Ghi chú:

Câu 1: Ý nào **không** phải là biện pháp phòng, tránh tác hại của bom, mìn?

A. Tổ chức trinh sát, phát hiện địch đánh bom.

B. Ngụy trang, nghỉ binh.

C. Lợi dụng bờ ruộng, gốc cây, mô đất.

D. Tập trung ở trường học.

Câu 2: Tác hại nào **không** phải do vũ khí hóa học gây ra?

A. Phá hủy môi trường sinh thái.

B. Phá hủy công trình công cộng.

C. Gây nhiễm độc địa hình.

D. Gây hoang mang, khủng bố tinh thần chiến đấu của đối phương.

Câu 3: Vũ khí hóa học gây tác hại cho người qua con đường nào dưới đây?

A. Ăn, uống.

B. Tiếp xúc với người nhiễm bệnh.

C. Hít thở không khí nhiễm độc.

D. Cả A, B và C.

Câu 4: Tác hại nào **không** phải do vũ khí sinh học gây ra?

A. Gây bệnh truyền nhiễm cho người, động vật.

B. Làm ô nhiễm môi trường sinh thái.

C. Phá hủy vũ khí trang bị, phương tiện kỹ thuật đối phương.

D. Gây ra nạn đói.

Câu 5: Em hãy kể tên một số loại vũ khí công nghệ cao?

Đáp án: Máy bay tiêm kích, máy bay tàng hình F-117A, máy bay ném bom tàng hình đa nhiệm B-2 Spirit, máy bay tiêm kích tàng hình F-22 (Raptor); tên lửa hành trình Tomahawk, tên lửa có cánh không đối đất AGM-129, bom xung điện từ ...

KẾ HOẠCH SỐ 20

A. MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Về kiến thức: HS biết cách phòng, chống thiên tai, dịch bệnh và cháy nổ.
2. Về năng lực: HS biết tự chủ về học tập, biết phối hợp với nhóm để giải quyết vấn đề.
3. Về phẩm chất
 - Thông qua bài học, HS biết cách phòng, chống thiên tai, dịch bệnh và cháy nổ trong cuộc sống ...

B. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Đối với giáo viên: Giáo án, các tư liệu liên quan bài học.
2. Đối với học sinh: Sách, vở, viết

C. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động dạy & học		Dự kiến sản phẩm	
Giáo viên	Học sinh		
Hoạt động 1: Khởi động			
1. Mục tiêu: HS hiểu và nhận biết về các loại dịch bệnh ...			
2. Nội dung: Xem hình (7.3 và 7.4 SGK trang 39), hãy cho biết đó là loại dịch bệnh gì?			
- GV biên chế lớp thành 4 nhóm/tổ để tập luyện, sinh hoạt, thảo luận, phát biểu - GV nhận xét, điều chỉnh chỗ sai cho các nhóm/tổ.	- Các nhóm trưởng chỉ huy nhóm/tổ sinh hoạt theo từng chủ đề - Sau khi thảo luận, cử đại diện phát biểu.	 + Câu 1: Nội dung hình 7.3 và 7.4	
Hoạt động 2: Khám phá			
1. Mục tiêu: HS biết cách phòng, chống thiên tai, dịch bệnh và cháy nổ.			
2. Nội dung: Phòng, chống thiên tai, dịch bệnh và cháy nổ.			
- GV giới thiệu thiên tai và các loại thiên tai. - GV cho các nhóm thực hiện bài tập “một số biện pháp phòng, chống giảm nhẹ thiên tai” theo bảng bài tập dưới đây:	- Các nhóm/tổ (xem SGK trang 38) thảo luận để hoàn thành bài tập do GV đưa ra (nếu có) - HS thực hiện bài tập.	II. Phòng, chống thiên tai, dịch bệnh và cháy nổ 1. Phòng, chống thiên tai - Thiên tai là hiện tượng tự nhiên bất thường xảy ra có thể gây thiệt hại về người, tài sản, môi trường, điều kiện sống và các hoạt động kinh tế xã hội. - Thiên tai bao gồm: Bão, áp thấp nhiệt đới, gió mạnh trên biển, lốc, sét, mưa lớn, lũ quét ...	
Bảng bài tập			
Một số biện pháp phòng, chống giảm nhẹ thiên tai			
Thiên tai	Tác hại	Biện pháp	
		Nên làm	Không nên làm
Bão	- Gây thương vong và làm ảnh hưởng đến cuộc sống cộng đồng	- Cắt tỉa cây xanh, thường xuyên nắm thông tin về bão, chuẩn bị lương thực, thực phẩm và những vật cần thiết, chặn chống nhà cửa, ở trong nhà kiên cố	- Không ra ngoài, không ra khơi trong thời gian có bão, tránh xa các ổ điện, dây điện đứt, không trú ẩn dưới gốc cây hay đứng gần cột điện, chăm sóc người già và trẻ em.
Lũ lụt	- Gây thiệt hại cho người, động vật, cơ sở vật chất, làm phát	- Thường xuyên theo dõi thông tin cảnh báo tình hình mưa lũ tại nơi mình đang sống để chủ động đối phó, c/bị lương thực, nước uống, đèn pin, cắt	- Không bơi lội, chơi đùa nơi ngập nước, không uống nước lũ, không ăn thức ăn ngâm nước lũ, không đến những nơi mất an toàn như gần

	sinh dịch bệnh, cản trở giao thông	hết các nguồn điện, di chuyển đến nơi an toàn, sử dụng áo phao hoặc các đồ vật nổi	bờ sông hay công trình bị sập đổ, không câu cá, vớt củi ở sông, suối...
Sạt lở đất, đá	- Có thể chôn vùi người, động vật, phá huỷ nhà cửa, đồ đạc...	- Thường xuyên nghe dự báo thời tiết về các đợt mưa lớn, lắng nghe và cảnh giác với bất kì tiếng động nào, sẵn sàng rời khỏi nhà sơ tán đến nơi an toàn	- Không chặt phá rừng, không đến những nơi có dòng chảy của sạt lở đất, khu vực cầu, cống khi nước đang lên, dòng chảy mạnh...

- GV: Giới thiệu các bệnh truyền nhiễm, dịch bệnh nguy hiểm	- Các nhóm/tổ (xem SGK trang 39) thảo luận để hoàn thành bài tập do GV đưa ra (nếu có) - Các nhóm/tổ xem hình 7.3 và 7.4, thảo luận về bệnh bạch hầu và covid 19 theo các ý sau: + Triệu chứng. + Cách phòng bệnh.	2. Phòng, chống dịch bệnh a. Bệnh truyền nhiễm, dịch bệnh - Bệnh truyền nhiễm: Là bệnh lây truyền trực tiếp hoặc gián tiếp từ người hoặc từ động vật sang người do tác nhân gây bệnh truyền nhiễm. - Dịch bệnh: Khi xuất hiện bệnh truyền nhiễm với số người mắc bệnh vượt quá số người mắc bệnh dự tính bình thường trong một thời gian xác định ở một khu vực nhất định thì trở thành dịch bệnh. - Một số bệnh truyền nhiễm ng/hiểm: Bại liệt, bạch cầu, Covid 19, tả, đậu mùa, sốt xuất huyết do vi rút Ebola, than, thủy đậu b. Một số triệu chứng của bệnh truyền nhiễm. - Bệnh bạch hầu: là bệnh nhiễm khuẩn, nhiễm độc cấp tính do vi khuẩn bạch cầu gây nên, bệnh có thể diễn biến nặng gây tử vong. + Triệu chứng: sốt, đau họng, ho, khàn tiếng, da mặt màu trắng ở họng, mũi. + Phòng bệnh: Tiêm chủng đầy đủ, đúng lịch; rửa tay thường xuyên với xà phòng; che miệng, mũi khi ho hoặc hắt hơi; vệ sinh miệng, mũi hằng ngày; vệ sinh trường lớp, nhà ở đảm bảo thông thoáng; hạn chế tiếp xúc với người bệnh hoặc nghi ngờ mắc bệnh; phát hiện, cách li và đưa người bệnh đến cơ sở y tế - Bệnh Covid-19: là bệnh do vi rút SARS-CoV-2 gây ra, là bệnh rất dễ lây lan, khó điều trị và khả năng tử vong cao. + Triệu chứng thường gặp: Sốt ho, mệt mỏi, mất vị giác hoặc khứu giác. + Triệu chứng nghiêm trọng: Khó thở, mất khả năng nói hay cử động, đau ngực. + Triệu chứng ít gặp hơn: Đau họng, đau nhức, tiêu chảy, viêm kết mạc, da nổi mẩn hoặc tím tái. + Biện pháp phòng ngừa: Thực hiện nghiêm thông điệp 5K : Khẩu trang, khử khuẩn, khoảng cách, khai báo y tế, không tập trung. c. Một số biện pháp phòng, chống dịch bệnh.
- GV: Hãy trình bày một số biện pháp phòng, chống	- Các nhóm xem (SGK trang 39), thảo luận, chốt	

dịch bệnh?	ý, cử đại diện phát biểu.	- Thông tin, giáo dục, truyền thông về phòng, chống dịch bệnh tới mọi người. - Tiến hành công tác vệ sinh nơi ở, nơi làm việc. - Giám sát người mắc dịch bệnh. - Giám sát tác nhân gây bệnh. - Sử dụng vắc xin, sinh phẩm y tế dự phòng. - Khi bùng dịch: Thực hiện các biện pháp cách li người, khu vực nhiễm bệnh, diệt khuẩn, khử trùng môi trường; phòng hộ cá nhân, vệ sinh cá nhân.
Hoạt động 3: Luyện tập		
1. Mục tiêu: HS củng cố kiến thức đã học thông các câu hỏi luyện tập. 2. Nội dung: Trả lời các câu hỏi trắc nghiệm liên quan đến bài học.		
- GV ra các câu hỏi để học sinh thảo luận, trả lời (file phần ghi chú).	- Các nhóm/tổ thảo luận các câu hỏi do GV đề ra, sau đó đưa ra đáp án.	- Đáp án: + Câu 1: C + Câu 2: D
Hoạt động 4: Vận dụng		
1. Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn cuộc sống. 2. Nội dung: Hãy sắp xếp các nội dung thành hai nhóm: Phòng bệnh truyền nhiễm và chống dịch?		
- GV ra các câu hỏi để học sinh thảo luận, trả lời (file phần ghi chú).	- Các nhóm/tổ thảo luận các câu hỏi do GV đề ra, sau đó đưa ra đáp án.	- Đáp án: + Câu 3: (File kèm theo ở phần ghi chú)

D. RÚT KINH NGHIỆM.

1. Kết quả đạt được:

2. Hạn chế, tồn tại:

* Ghi chú:

Câu 1: Đồng bằng sông Cửu Long nước ta bị đe dọa bởi những thiên tai nào?

A. Ngập lụt, hạn hán, động đất, cháy rừng và bão nhiệt đới. B. Lũ quét, sạt lở đất, sương muối, rét hại.

C. Hạn hán, xâm nhập mặn, triều cường, sạt lở bờ sông. D. Bão nhiệt đới, lũ ống, ngập mặn.

Câu 2: Những hành vi nào bị nghiêm cấm trong phòng, chống dịch bệnh.

A. Cố ý làm lây lan tác nhân gây bệnh truyền nhiễm.

B. Che giấu, không khai báo hoặc khai báo không kịp thời các trường hợp mắc bệnh truyền nhiễm.

C. Phân biệt đối xử và đưa hình ảnh, thông tin tiêu cực về người mắc bệnh truyền nhiễm.

D. Cả A, B và C.

Câu 3: Em hãy sắp xếp các nội dung thành hai nhóm: Phòng bệnh truyền nhiễm và chống dịch?

a/ Giám sát tác nhân bệnh truyền nhiễm và trung gian truyền bệnh.

b/ Vệ sinh, diệt trùng, tẩy uế trong vùng có dịch.

c/ Sử dụng vắc xin, sinh phẩm y tế.

d/ Cấm tập trung đông người và các hoạt động khác có nguy cơ làm lây truyền bệnh.

e/ Thực hiện các biện pháp phòng lây nhiễm dịch bệnh ở các cơ sở y tế ra cộng đồng.

g/ Cấm người, phương tiện không có nhiệm vụ vào ổ dịch.

ĐÁP ÁN: - Phòng bệnh truyền nhiễm: a, c, e - Chống dịch: b, d, g.

KẾ HOẠCH SỐ 21

A. MỤC TIÊU BÀI HỌC

- Về kiến thức: HS biết được nguyên nhân, tác hại của cháy nổ; biết cách phòng, chống cháy nổ và thực hiện được một số kỹ năng để bảo đảm an toàn khi xảy ra cháy nổ.
- Về năng lực: HS biết tự chủ về học tập, biết phối hợp với nhóm để giải quyết vấn đề.
- Về phẩm chất: Thông qua bài học, HS biết cách phòng, chống cháy nổ trong đời sống thường nhật.

B. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Đối với giáo viên: Giáo án, các tư liệu liên quan bài học.
- Đối với học sinh: Sách, vở, viết

C. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động dạy & học		Dự kiến sản phẩm
Giáo viên	Học sinh	
Hoạt động 1: Khởi động		
1. Mục tiêu: HS biết cách sử dụng các dụng cụ và phương pháp phòng cháy chữa cháy. 2. Nội dung: Khi xảy ra đám cháy, em quan sát có bình chữa cháy CO2 ở gần đó, em sẽ sử dụng bình chữa cháy như thế nào để dập tắt đám cháy?		
- GV biên chế lớp thành 4 nhóm/tổ để tập luyện, sinh hoạt, thảo luận, phát biểu - GV nhận xét, điều chỉnh chỗ sai cho các nhóm/tổ.	- Các nhóm trưởng chỉ huy nhóm/tổ sinh hoạt theo từng chủ đề - Sau khi thảo luận, cử đại diện phát biểu.	+ Đáp án: Di chuyển bình tới gần điểm cháy, giật chốt hãm. Chọn đầu hướng lửa, hướng hoa phun vào càng gần gốc lửa càng tốt. (Bóp, hay vặn) van để khí tự phun ra dập lửa.
Hoạt động 2: Khám phá		
1. Mục tiêu: HS biết được nguyên nhân, tác hại của cháy nổ; biết cách phòng, chống cháy nổ và thực hiện được một số kĩ năng để bảo đảm an toàn khi xảy ra cháy nổ. 2. Nội dung: Phòng, chống cháy nổ.		
GV: Hãy cho biết nguyên nhân gây cháy nổ? - GV: Hãy cho biết tác hại của việc cháy nổ? - GV cho các nhóm thực hiện xem hình 7.5 và cách xử lí các tình huống khi	- Các nhóm/tổ (xem SGK trang 40) thảo luận để hoàn thành bài tập do GV đưa ra (nếu có) - HS tập trung thảo luận về thiệt hại do cháy nổ làm ảnh hưởng đến sức khỏe con người, tài sản và môi trường sống - Các nhóm/tổ thực hiện bài tập. HS tập trung thảo luận về cách xử lí các	3. Phòng, chống cháy nổ. a. Nguyên nhân gây cháy nổ. - Nguyên nhân chủ quan: Sơ suất, bất cẩn; vi phạm các quy định quản lý, sử dụng nguồn lửa, nguồn nhiệt và các tiêu chuẩn về phòng cháy, chữa cháy... - Nguyên nhân khách quan: Do sét đánh, núi lửa hoạt động, bão lụt; chất cháy tiếp xúc với môi trường không khí; chất cháy bị ôxy hóa tích nhiệt... b. Tác hại của cháy nổ - Gây nên hơi hoặc khói độc, làm thiếu oxy trong vùng cháy. - Kích thích mắt, cơ quan hô hấp gây nên các hiện tượng choáng, ngất do nóng rát gây tổn thương và tâm lí hoang mang, hoảng loạn cho con người. - Cháy nổ phá hủy nhà cửa, kho tàng, thiệt hại tài sản và ô nhiễm môi trường sống.

xảy ra việc cháy nổ. - GV: Hãy nêu các cách phòng, chống cháy nổ?	tình huống khi xảy ra cháy nổ - Các nhóm/tổ (xem SGK trang 40) thảo luận để hoàn thành bài tập do GV đưa ra (nếu có)	 c. Cách xử lý các tình huống khi xảy ra việc cháy nổ. d. Cách phòng, chống cháy nổ - Lắp đặt hệ thống điện trong nhà bảo đảm tiêu chuẩn về yêu cầu kỹ thuật. - Không câu móc, đầu nối điện tùy tiện; thay thế thiết bị điện hư hỏng. - Không sử dụng nhiều thiết bị điện có công suất lớn vào cùng một ổ cắm. - Không sạc điện thoại, máy tính, xe đạp điện, xe máy điện qua đêm. - Khi đun nấu phải trông coi; tắt bình ga, tắt bếp khi không sử dụng. - Không tàng trữ, buôn bán trái phép chất dễ cháy, nổ - Trang bị phương tiện, dụng cụ báo cháy, chữa cháy, thoát nạn.
---	--	---

Hoạt động 3: Luyện tập

1. Mục tiêu: HS củng cố kiến thức đã học thông các câu hỏi luyện tập.

2. Nội dung: Em hãy kể lại những việc nhà trường đã làm để tuyên truyền về phòng, chống cháy nổ?

- GV ra các câu hỏi để học sinh thảo luận, trả lời (file phần ghi chú).

- Các nhóm/tổ thảo luận các câu hỏi do GV đề ra, sau đó đưa ra đáp án.

- Nhà trường đã tổ chức các buổi sinh hoạt phổ biến tác hại và các biện pháp phòng tránh cháy nổ, tai nạn ...; Mời lực lượng phòng cháy chữa cháy hướng dẫn cách xử lý khi gặp đám cháy và các hoạt động khác của nhà trường, lớp đã thực hiện.

Hoạt động 4: Vận dụng

1. Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn cuộc sống.

2. Nội dung: Khi phát hiện xảy ra cháy do chập điện trong gia đình, ngọn lửa đang bắt đầu lan sang các vật dụng khác, em xử lý như thế nào?

- GV ra các câu hỏi để học sinh thảo luận, trả lời (file phần ghi chú).

- Các nhóm/tổ thảo luận các câu hỏi do GV đề ra, sau đó đưa ra đáp án.

- Nhanh chóng thông báo, hô hoán cho mọi người trong nhà biết về vụ cháy.
- Cúp cầu giao tổng, ngắt điện truyền tải cho ngôi nhà
- Gọi cứu hộ: 114
- Cùng với mọi người trong nhà sử dụng các vật dụng để chữa cháy.
- Cứu người bị nạn.
- Di chuyển hàng hóa và tài sản.
- Thoát hiểm.

D. RÚT KINH NGHIỆM.

1. Kết quả đạt được:

2. Hạn chế, tồn tại:

* Ghi chú: